

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày 02-6-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lam

Bà Bùi Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Mai Xuân C, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1990 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số: 073246094, cấp ngày 16/11/2010, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; con ông Mai Xuân C1, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/02/2021; có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: khu đô thị H, xã K, huyện O, thành phố Hà Nội; vắng mặt có lý do.

+ Bà Hoàng Thị Lê D, sinh năm 1984; nơi cư trú: khu đô thị H, xã K, huyện O, thành phố Hà Nội; vắng mặt có lý do.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Mai Xuân C1, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt có lý do.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Hoàng Đức M, sinh năm 1982; vắng mặt có lý do.

+ Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1998; vắng mặt có lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 22/11/2020, Mai Xuân C điều khiển xe ô tô BKS 23C-032.14 nhãn hiệu Hoa Mai, loại xe tải tự đổ, màu sơn xanh chở cát đi từ thị trấn T, huyện Q theo đường Quốc lộ 2 đi xã Hùng An, huyện Bắc Quang, đi cùng xe với C còn có Bùi Văn Q ngồi bên ghế phụ. C điều khiển xe đi với tốc độ khoảng 30km/h và đi phần đường bên phải theo chiều đi của mình (*hướng Tuyên Quang đi Hà Giang*). Khi đến Km73+300 đường Quốc lộ 2 hướng Hà Giang - Tuyên Quang thuộc địa phận thôn Kim Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, C quan sát và phát hiện đi cùng chiều phía trước vị trí xe của C đang điều khiển khoảng 10m có một chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS BKS 30F-378.44, loại xe con 4 chỗ, màu nâu vàng do Phạm Văn T điều khiển, đi phía trước xe ô tô BKS 30F-378.44 là xe ô tô tải ben BKS 23H-000.03, nhãn hiệu HOWO, loại xe tải tự đổ, màu sơn xanh do Hoàng Đức M điều khiển. Lúc này M điều khiển xe ô tô BKS 23H-000.03 phanh gấp để tránh xe ô tô đi ngược chiều đang quay đầu xe nên Phạm Văn T điều khiển xe ô tô BKS 30F-378.44 cũng phanh xe dừng lại. Thấy vậy C đạp phanh xe ô tô BKS 23C-032.14 để dừng nhưng do khoảng cách quá gần, C không xử lý kịp khiến phần đầu xe ô tô C điều khiển va chạm vào phần đuôi xe ô tô BKS 30F-378.44 đẩy về phía trước khiến phần đầu của xe ô tô BKS 30F-378.44 tiếp tục đâm vào phần đuôi xe ô tô tải ben BKS 23H-000.03. Hậu quả sau va chạm, xe ô tô BKS 30F-378.44 bị hư hỏng nặng, xe ô tô BKS 23C-032.14 và xe ô tô BKS 23H-000.03 bị hư hỏng nhẹ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường có chiều hướng của từ trái sang phải theo hướng Tuyên Quang đi Hà Giang, tầm nhìn không bị che khuất, mặt đường giải nhựa, có vạch sơn vàng đứt quãng chia phần đường dành cho hai chiều xe chạy, hai bên đường có lề đường và dân cư sinh sống. Trên mặt đường nhựa phải hướng Tuyên Quang đi Hà Giang có một xe ô tô BKS 23C-032.14, xe ô tô BKS 30F-378.44 và xe ô tô BKS 23H-000.03 đỗ, cả ba xe dừng đỗ sát nhau, đầu các xe quay về hướng Hà Giang, đuôi các xe quay về hướng Tuyên Quang.

Căn cứ các dấu vết để lại trên hiện trường xác định: điểm va nằm trên mặt đường nhựa phải (*hướng Tuyên Quang đi Hà Giang*).

+ Điểm va chạm số 1 giữa xe ô tô BKS 23C-032.14 với xe ô tô BKS 30F-378.44 ra mép đường nhựa phải là 1m50cm; cách dải sơn vàng đứt đoạn chia làn

đường là 2m30cm; cách trục bánh sau bên phụ xe ô tô BKS 30F-378.44 là 1m10cm; cách trục bánh trước bên phụ xe ô tô BKS 23C-032.14 là 80cm.

+ Điểm va chạm số 2 giữa xe ô tô BKS 30F-378.44 với xe ô tô BKS 23H-000.03 ra mép đường nhựa phải là 1m50cm; cách dải sơn vàng đứt đoạn chia làn đường là 1m80cm; cách trục bánh sau bên phụ xe ô tô BKS 30F-378.44 là 1m; cách trục bánh trước bên phụ xe ô tô BKS 23H-000.03 là 2m40cm.

Tại hiện trường, xác định khoảng cách giữa 3 xe ô tô như sau:

+ Trục bánh sau bên phụ xe ô tô BKS 30F-378.44 cách trục bánh trước bên phụ xe ô tô BKS 23C-032.14 là 1m20cm.

+ Trục bánh sau bên phụ xe ô tô BKS 23H-000.03 cách trục bánh trước bên phụ xe ô tô BKS 30F-378.44 là 2m40cm.

Sau khi xảy ra va chạm giao thông, ngày 22/11/2020, Công an huyện Bắc Quang tiến hành kiểm tra nồng độ cồn đối với Phạm Văn T, Hoàng Đức M và Mai Xuân C. Kết quả kiểm tra T, M và C 0,000mg/L khí thở.

Ngày 04/12/2020, cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành các Quyết định trưng cầu giám định số 225, 226, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang tiến hành giám định đối với giấy phép lái xe số 080170011714 của Mai Xuân C và giấy phép lái xe số 010020209079 của Phạm Văn T là thật hay giả. Ngày 14/12/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang ban hành kết luận giám định số 412, kết luận: “*giấy phép lái xe số 080170011714 là thật*”. Ngày 15/12/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang ban hành kết luận giám định số 412, kết luận: “*giấy phép lái xe số 010020209079 là thật*”.

Ngày 06/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 03, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang tiến hành định giá tài sản bị thiệt hại trong vụ án. Ngày 11/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang ban hành Kết luận định giá tài sản số 06, kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô BKS 30F-378.44 là 136.150.000đ (*một trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*); Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô BKS 23C-032.14 là 10.300.000đ (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*).

Ngày 02/02/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 20, trưng cầu Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Hà Giang, giám định các thông số kỹ thuật và hệ thống an toàn của xe ô tô BKS 23C-032.14 và xe ô tô BKS 30F-378.44 có đảm bảo an toàn kỹ thuật và đủ điều kiện tham gia giao thông đường bộ không? Ngày 04/02/2021, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hà Giang ban hành Kết luận giám định số 20, kết luận: Đối với xe ô tô BKS 23C-032.14: giấy chứng nhận QTKT&BVMT còn hiệu lực; Hệ thống phanh, hệ thống treo, hệ thống lái, hệ thống truyền lực của phương tiện có đầy đủ các bộ phận, tình trạng bình thường; các khiếm khuyết, hư hỏng cần khắc phục trước khi tham gia giao thông gồm: cản trước vỡ, cụm đèn chiếu sáng phía trước bên phải gãy giá đỡ; đối với xe ô tô BKS 30F-378.44: giấy chứng nhận QTKT&BVMT còn hiệu lực; Hệ thống phanh, hệ thống treo, hệ thống lái, hệ thống truyền lực của phương tiện có đầy đủ các

bộ phận, tình trạng bình thường; các khiếm khuyết, hư hỏng cần khắc phục trước khi tham gia giao thông gồm: thân vỏ phía trước và phía sau xe biến dạng, kính chắn gió phía trước và phía sau vỡ, cụm đèn tín hiệu phía sau vỡ, cụm đèn chiếu sáng phía trước bên phụ gãy giá đỡ, hai lốp trước mất áp suất, một số chi tiết liên quan với động cơ bị gãy.

Căn cứ vào các dấu vết để lại trên hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang xác định lỗi do Mai Xuân C điều khiển xe ô tô BKS 23C-032.14 không giữ khoảng cách an toàn, gây tai nạn giao thông. Hành vi của Mai Xuân C đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 25/CT-VKSBQ ngày 25/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Mai Xuân C "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau khi xem xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Mai Xuân C tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự. Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, ngoài ra đề nghị bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định của pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, nghề nghiệp chính của bị cáo là lái xe, nên không áp dụng khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Mai Xuân C và bị hại đã thương lượng, thỏa thuận cụ thể: Phạm Văn Tiếp bán lại chiếc xe ô tô BKS 30F-378.44 cho Mai Xuân C với giá 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng),

ngoài ra bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy không đề cập giải quyết.

Về phần thiệt hại của xe ô tô BKS 23H-000.03, chủ xe không yêu cầu Mai Xuân C phải bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mai Xuân C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Mai Xuân C tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ như: Các tài liệu khám nghiệm hiện trường, các tài liệu khám phương tiện xe, biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, bản ảnh khám phương tiện Kết luận giám định, tài liệu giám định thông số kỹ thuật an toàn của xe, kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 11/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận. Khoảng 11 giờ ngày 22/11/2020, Mai Xuân C điều khiển xe ô tô BKS 23C-032.14 chở cát đi từ thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang theo đường Quốc lộ 2 đi xã Hùng An, huyện Bắc Quang. Khi đi C điều khiển xe đi phía bên phải theo chiều đi của mình, đến Km73+300 đường Quốc lộ 2 hướng Hà Giang - Tuyên Quang thuộc địa phận thôn Kim Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, C phát hiện đi cùng chiều phía trước cách vị trí xe của C đang điều khiển khoảng 10m có một chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS BKS 30F-378.44, loại xe con 4 chỗ do Phạm Văn T điều khiển, đi phía trước xe ô tô BKS 30F-378.44 là xe ô tô tải ben BKS 23H-000.03 do Hoàng Đức M điều khiển. Do tránh chiếc xe đi ngược chiều đang quay đầu xe nên M đã phanh xe dừng lại, Phạm Văn T thấy vậy cũng phanh xe dừng chiếc xe ô tô

BKS 30F-378.44. Thấy vậy, C cũng phanh xe để dừng lại, tuy nhiên do không giữ khoảng cách an toàn đã va chạm vào phần đuôi xe ô tô BKS 30F-378.44 đẩy về phía trước khiến phần đầu của xe ô tô BKS 30F-378.44 tiếp tục đâm vào phần đuôi xe ô tô tải ben BKS 23H-000.03. Hậu quả khiến xe ô tô BKS 30F-378.44 bị hư hỏng, tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 136.150.000đ (*một trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), xe ô tô BKS 23H-000.03 bị hư hỏng nhẹ.

[4] Hành vi của Mai Xuân C điều khiển xe không giữ khoảng cách an toàn khi tham gia giao thông đường bộ, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ và vi phạm điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, cụ thể:

[5] Khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ quy định:

"1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo"

[6] Điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định: Xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ khi:

"a) ... không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông..."

[7] Hành vi của bị cáo Mai Xuân C phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

[8] Khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"

[9] Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Mai Xuân C "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã được cấp giấy phép lái xe hạng C buộc bị cáo phải nhận thức được khi tham gia giao thông phải chấp hành các quy định về an toàn giao thông đường bộ, nhưng khi điều khiển xe ô tô BKS 23C-032.14 đã không giữ khoảng cách an toàn

đôi với xe chạy liền trước xe của mình gây ra tai nạn giao thông đối với xe ô tô BKS 30F-378.44, gây thiệt hại về tài sản trị giá 136.150.000đ (*một trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Do đó, cần xử lý bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục đối với bị cáo nói riêng và để phòng ngừa chung.

[11] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu, bố đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[13] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, trong thời gian tại ngoại bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay có vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ như Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp. Ngoài ra, xét thấy bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, thu nhập không ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng, thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

[14] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, nghề nghiệp chính của bị cáo là lái xe, nên không áp dụng khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo Mai Xuân C và bị hại đã thương lượng, thỏa thuận, cụ thể: Phạm Văn Tiếp bán lại chiếc xe ô tô BKS 30F-378.44 cho Mai Xuân C với giá 380.000.000đ (*ba trăm tám mươi triệu đồng*), bị hại không có yêu cầu nào khác về bồi thường dân sự đối với bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về phần thiệt hại của xe ô tô BKS 23H-000.03, chủ xe không yêu cầu Mai Xuân C phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ô tô BKS 23C-032.14; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006495, biển số đăng ký 23C-032.14; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD1764685, biển đăng ký 23C-032.14; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 070037115, mang BKS 23C-032.14; 01 xe ô tô BKS 30F-378.44; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng

ký xe ô tô số 505853, biển số đăng ký 30F-378.44; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD4226226, biển đăng ký 30F-378.44; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số AD20/0112642, mang BKS 30F-378.44; 01 giấy phép lái xe số 010020209079, hạng B2 mang tên Phạm Văn Tiếp. Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu là hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C, số 080170011714 mang tên Mai Xuân C, sinh ngày 07/06/1990 trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang, do Sở giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 25/12/2017, có giá trị đến ngày 25/12/2022. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là giấy tùy thân của bị cáo, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, do vậy cần trả lại cho bị cáo.

[19] Trong vụ án này: Chiếc xe ô tô BKS 23C-032.14 gây tai nạn là tài sản của ông Mai Xuân C1, ông giao xe cho bị cáo C để làm phương tiện kiếm sống sinh hoạt hàng ngày cho gia đình, việc bị cáo C lái xe gây tai nạn, ông không biết và ông cũng không có đề nghị gì. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[20] Chiếc xe ô tô tải ben BKS 23H-000.03 do Hoàng Đức M điều khiển là xe của công ty TNHH một thành viên do bà Nguyễn Thị H quản lý, ngày 22/11/2020 bà H giao xe cho Hoàng Đức M để chở đá, quá trình xảy ra va chạm bà không biết và bà cũng không đề nghị gì. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[21] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 260, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Xuân C phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Mai Xuân C 07 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Mai Xuân C tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Mai Xuân C. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Mai Xuân C phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Mai Xuân C 01 giấy phép lái xe hạng C, số 080170011714 mang tên Mai Xuân C, sinh ngày 07/06/1990 trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Hà Giang, do Sở giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 25/12/2017, có giá trị đến ngày 25/12/2022.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 26/4/2021).

3. Về án phí: Bị cáo Mai Xuân C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang ;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Hùng An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

